

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST

Ngày 21-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

***Vũ Đình T**, sinh năm 1982; HKTT: Thôn G, xã HB, huyện TT, Thành Phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn G, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình Bệu và bà Nguyễn Thị Hiền; có vợ và 02 con;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ công an huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Yến H, sinh năm 1997 (*Vắng mặt*)
HKTT: Thôn G, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/12/2023 do muốn sử dụng ma túy nên Vũ Đình T đến nhà cháu gái là Nguyễn Yến H, sinh năm 1997 (cách nhà T 20m) hỏi mượn 01 xe máy kiểu dáng Honda Vision màu trắng BKS 29V5-277.76, với lý do mượn xe đi chút việc. Sau khi mượn được xe máy, T điều khiển xe đến đoạn đường tỉnh lộ 421, gần cây xăng xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội để mua ma túy Heroine. Tại đây, T gặp một người đàn ông và đưa 200.000 đồng để mua ma túy, T nhận được 01 túi ni lông nhỏ trong suốt kích thước khoảng (1,5 x 1,5)cm bên trong chứa chất bột màu trắng. Sau đó T đi khoảng 200m hướng về kênh Tây Ninh và sử dụng một ít từ gói ma túy vừa mua được. T cất số ma túy còn lại vào túi quần bên phải rồi đi đến dốc đê gần đường tỉnh lộ 421, khu vực Thôn 4, xã LH thì bị lực lượng Công an xã LH phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

“- 01 gói nilon trong suốt kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng thu giữ của Vũ Đình T (T khai nhận là ma túy heroine);

- 01 xe máy kiểu dáng Honda Vision màu trắng, đã qua sử dụng; BKS: 29V5-277.76;

- 01 điện thoại di động kiểu dáng TECNO SPARK màu trắng đã cũ;

- Số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành;

Tại bản kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 03/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *“Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy ni lông là ma túy loại Heroine, khối lượng: 0,132 gam”.*

Về nguồn gốc ma túy: Vũ Đình T khai số ma túy trên mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ trông dáng vẻ người nghiện. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ, vì vậy không đề cập xử lý trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng, vấn đề dân sự:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu kiểu dáng Honda Vision màu trắng BKS 29V5-277.76, thu giữ của T. Quá trình điều tra, làm rõ là tài sản hợp pháp của Nguyễn Yến H, sinh năm 1997, HKTT: Thôn G, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội. Ngày 27/12/2023 chị H cho T mượn. Khi cho mượn xe, chị H không biết T sẽ sử dụng chiếc xe làm pH tiện để đi mua ma túy. Do đó ngày 05/02/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H chiếc xe máy BKS: 29V5-277.76, nay không có ai yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội bên trong chứa gói ma túy đã giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO màu SPARK, đã qua sử dụng; Số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành thu của T, chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 29 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Đình T. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1,2 điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T từ 12 - 15 tháng tù.

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy đối với:

- Một phong bì niêm phong của Phòng PC09-Công an TP Hà Nội, bên trong chứa mẫu vật chứng, bên ngoài có chữ ký của giám định viên, của Vũ Đình T;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO SPARK màu trắng, đã qua sử dụng; Số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành; là tài sản hợp pháp của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 27/12/2023, tại khu vực xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, khi Vũ Đình T đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,132 gam ma túy loại Heroin thì bị tổ công tác Công an xã LH, huyện Phúc Thọ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của bản thân mà còn tiếp tay cho các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại thời điểm phạm tội, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Vũ Đình T đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo không có đủ điều kiện để tự cải tạo ngoài môi trường xã hội bình thường mà cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có khả năng giáo dục, cải tạo bị cáo, làm gương cho người khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ; Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điều 38 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

Xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho T cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng và Biện pháp tư pháp:

Đối với 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội bên trong chứa gói ma túy đã giám định là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO SPACK màu trắng, đã qua sử dụng; Số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành là các tài sản hợp pháp của bị cáo T nên trả trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T **14** (Mười bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong dán kín của PC09 - Công an thành phố Hà Nội, bên ngoài có chữ ký của Vũ Đình T, chữ ký của giám định viên Trần Ngọc Chinh, chữ ký của đ/c Nguyễn Văn Nghĩa là cán bộ công an xã LH.

Trả lại cho bị cáo T các tài sản gồm: 01 điện thoại di động kiểu dáng TECNO SPARK màu trắng, đã cũ; Số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành.

(Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2024 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/3/2024).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Vũ Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Công an huyện Phúc Thọ;
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu

vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân tH mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân tH mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

